Phẩm 8: **TỊNH CĂN**

Tương ưng với tâm dâm dục, sân hận, ngu si, đó là phiền não, là kiết ràng buộc. Người muốn bỏ ba thứ này phải chế ngự, dứt bỏ và dùng trí đoạn trừ.

Thế nào là chế ngự? Nếu chưa được tâm vô lậu thì phải giữ giới, tư duy, nhằm loại trừ tâm tham dâm, phẫn nộ, ngu si, không thọ nhận, đó là chế ngự.

Thế nào là dứt bỏ? Được thiền định là lìa dâm dục và pháp bất thiện xấu ác, đó là dứt bỏ.

Thế nào là dùng trí dứt trừ? Giác ý duyên khổ, tập mà đoạn, đó gọi là đoạn. Hoặc chế ngự, hoặc dứt trừ, hoặc có lúc tịnh, hoặc bất tịnh, trí vô lậu dứt trừ, đó là thanh tịnh.

Hai mươi hai căn: Các mạng, nam, nữ ngoại nhập, khổ, vui, ưu, hỷ, hộ (xả) tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, vị tri, dĩ tri, đại tri căn và sáu căn nội, như trước đã nói. Tướng nam biết là nam, đó là nam căn. Tướng nữ, biết là nữ, đó là nữ căn. Tướng sống trong ba cõi, đó là mạng căn. Lạc thống (thọ) tương ưng với sáu thức, đó là lạc căn. Khổ thống (thọ) tương ưng với năm thức, đó là khổ căn. Lạc thọ tương ưng với ý thức, đó là hỷ căn. Khổ thọ tương ưng với ý thức, đó là ưu căn. Không khổ, không lạc thọ tương ưng với sáu thức, đó là hộ căn (xả căn). Tín trong các pháp thiện, đó là tín căn. Như vậy các căn tinh tiến, niệm, định, tuệ, kiên tín, kiên pháp thuộc về đạo.

Chín căn vô lậu là vị tri căn, thuộc về đạo kiến đáo tín giải thoát. Chín căn vô lậu là dĩ tri căn, thuộc về đạo vô học, chín căn vô lậu là đại tri căn.

Thế nào là nghĩa căn? Có sức, có lợi, đó là căn. Mạng, nam, nữ của sáu tình (căn), có sức, có lợi trong thế giới chín căn. Phiền não của năm thọ căn sinh, có sức, có lợi. Trong pháp thiện của năm căn như tín, v.v... có sức, có lợi. Trong đạo của ba căn vô lậu có sức, có lợi. Vì được đạo, nên các căn đều tự có sức, có lợi.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn thuộc về cõi Dục, bao nhiêu căn thuộc về cõi Sắc, Vô Sắc, bao nhiêu căn không thuộc cõi nào?

Đáp: Có bốn căn thuộc về cõi Dục: Nam, nữ, ưu, khổ căn. Năm căn thuộc về cõi Dục, cõi Sắc: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn. Hỷ, lạc căn hữu lậu thuộc về cõi Dục, cõi Sắc. Noãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn là căn hỷ lạc hữu lậu thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Hộ, ý, mạng, căn hữu lậu, năm

căn như tín v.v... thuộc về tất cả ba cõi. Ý căn, hộ căn, hỷ căn, lạc căn, năm căn như tín v.v... vô lậu là không lệ thuộc. Chín căn này hợp lại là ba căn vô lậu: vị tri căn, dĩ tri căn và đại tri căn.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu thọ, bao nhiêu không thọ?

Đáp: Năm căn như lạc, v.v..., năm căn như tín, v.v... tất cả căn vô lậu là không thọ. Các căn còn lại hoặc thọ, hoặc không thọ.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu thiện, bất thiện, vô ký?

Đáp: Có tám căn là thiện năm căn như tín v.v... là ba vô lậu. Tám căn vô ký, năm căn như nhãn, v.v... và mạng căn, nam căn, nữ căn. Sáu căn nên phân biệt ý là năm thọ căn và lạc căn, v.v... hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu căn là hữu lậu, bao nhiêu căn là vô lậu?

Đáp: Năm căn như tín v.v... lạc, hỷ, hộ, ý căn, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Ba căn sau đều là vô lậu, mười căn hữu lậu là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nam, nữ, mạng, ưu, khổ.

Ba thứ sinh đầu tiên được hai căn, là thân căn và mạng căn. Hóa sinh hoặc sáu, bảy, tám. Vô hình có sáu, một hình có bảy, hai hình có tám. Năm căn như mắt, v.v... và mạng căn, nam căn, nữ căn, các căn còn lại lần lượt được.

Đầu tiên được trong cõi Sắc sáu căn là năm tình (căn), mạng căn. Đầu tiên ở cõi Vô Sắc được một mạng căn. Trong cõi Dục, tâm vô ký dần dần qua đời có bốn, hoặc tám, chín, mười căn. Nếu tâm thiện chết thì có chín hoặc mười ba, mười bốn, hay mười lăm thứ căn.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn có bao nhiêu căn do kiến đế đoạn, bao nhiêu căn do tư duy đoạn và bao nhiêu căn không đoạn?

Đáp: Có bốn căn hoặc kiến đế đoạn, hoặc tư duy đoạn, hoặc không đoạn, là ý căn, lạc căn, hỷ căn, hộ căn. Ưu căn thì hoặc kiến đế đoạn, hoặc tư duy đoạn. Năm căn như tín, v.v... hoặc tư duy đoạn, hoặc không đoạn, ba căn vô lậu thì không đoạn. Căn còn lại là tư duy đoạn.